

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2349/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 17 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện
Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (lần 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 20/4/2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 và Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 2021 huyện Lâm Thao; Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (lần 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 595/TTr-TNMT ngày 15/9/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Lâm Thao với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp là: 5.935,40ha, giảm 5,86ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất chuyên trồng lúa nước là: 3.029,97ha, giảm 1,25ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây hàng năm khác là: 555,86ha, tăng 1,36ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây lâu năm là: 1.103,88ha, giảm 0,01ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất rừng sản xuất là: 226,28ha, giảm 2,70ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất nuôi trồng thủy sản là: 598,88ha, giảm 0,92ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp khác là: 46,05ha, giảm 2,34ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp là: 3.878,25ha, tăng 5,86ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt, cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất thương mại dịch vụ là: 19,47ha, tăng 0,26ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là: 1.20471ha, tăng 0,69ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất ở tại nông thôn là: 621,95ha, tăng 4,91ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

Chỉ tiêu các loại đất khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Lâm Thao đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Lâm Thao

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích được duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		9.835,41	9.835,41	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	5.941,26	5.937,74	-5,86
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.405,70	3.404,45	-1,25
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	3.031,22	3.029,97	-1,25
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	554,50	555,86	1,36
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.103,89	1.103,88	-0,01
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	228,98	226,28	-2,70
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	599,80	598,88	-0,92
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	48,39	46,05	-2,34
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.872,39	3.878,25	5,86

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích được duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.1	Đất quốc phòng	CQP	28,77	28,77	0,00
2.2	Đất an ninh	CAN	22,49	22,49	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất khu chế xuất	SKT			
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	85,07	85,07	0,00
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	19,21	19,47	0,26
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	127,24	127,24	0,00
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2,99	2,99	0,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.204,95	1.204,71	0,69
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	8,97	8,97	0,00
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,22	2,22	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	617,04	621,95	4,91
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	146,93	146,93	0,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,46	11,46	0,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,08	0,00
2.17	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,74	15,74	0,00
2.18	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	87,66	87,66	0,00
2.29	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	71,71	71,71	0,00
2.20	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,07	14,07	0,00
2.21	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,91	0,91	0,00
2.22	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	10,82	10,82	0,00
2.23	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.311,72	1.311,72	0,00
2.24	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	78,79	78,79	0,00
2.25	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,55	3,55	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	21,76	21,76	0,00

2. Danh mục Dự án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Dự án điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021: 11 dự án, trong đó có 05 dự án bổ sung và 06 dự án điều chỉnh.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021; tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các

trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Lâm Thao có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đơn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Lâm Thao và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

Phụ biểu: Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
(Kèm theo Quyết định số: 2349/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Thọ).

[illegible]

TT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ Đầu Tư	Diện tích tăng thêm (ha)	Mục đích sử dụng									Căn cứ pháp lý thực hiện dự án
					LUC	NTS	CLN	HNK	SKC	RSX	DGT	DTL	NKH	
4	Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư nông thôn	Khu Quán Rùa - Lò	UBND xã Sơn Vi	1.60	0.65			0.95						
5	Dự án Cụm công nghiệp Hợp Hải - Kinh Kệ	Xã Phùng Nguyên	Công ty TNHH Zero VN	4.00	2.80			0.89			0.16	0.15		
6	Cửa hàng xăng dầu và kinh doanh dịch vụ tổng hợp	Xã Cao Xá	Cty TNHH MTV Sông Hồng Phú Thọ	0.26	0.07			0.15			0.02	0.02		
II	Nội dung điều chỉnh, bổ sung KHSDD			8.39	6.72	0.92	0.01	0.33		0.00	0.24	0.17		
1	Dự án mở rộng sân giáo dục thể chất Trường THPT Phong Châu	khu 14, thị trấn Hùng Sơn	Trường THPT Phong Châu	0.04	0.04							0.0		Nghị quyết Số 11/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ
2	Dự án Đầu tư xây dựng trường Mầm non thị trấn Hùng Sơn	Khu 3, thị trấn Hùng Sơn	UBND thị trấn Hùng Sơn	0.69	0.60	0.02	0.01	0.01			0.04	0.01		Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
3	Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư nông thôn	khu Nhà Đồi, xã Thạch Sơn	UBND xã Thạch Sơn	1.70	1.50	0.20								Nghị quyết Số 11/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ
4	Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư nông thôn	Khu Quán Rùa - Lò	UBND xã Sơn Vi	1.60	0.65	0.70		0.21			0.04			Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
5	Dự án Cụm công nghiệp Hợp Hải - Kinh Kệ	Xã Phùng Nguyên	Công ty TNHH Zero VN	4.00	3.69						0.2	0.15		Nghị quyết Số 11/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ
6	Cửa hàng xăng dầu và kinh doanh dịch vụ tổng hợp	Xã Cao Xá	Cty TNHH MTV Sông Hồng Phú Thọ	0.36	0.24			0.11				0.01		